

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG TẠI TỈNH LÀO CAI

Hà Văn Tiệp,

Trung tâm Khoa học Sản xuất Lâm nghiệp vùng Tây Bắc, Sơn La.

Bùi Phước Chương

Trung tâm Tư vấn và Nghiên cứu Quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên (CORENARM), Huế.

TÓM TẮT

Với tài trợ của tổ chức Oxfam Anh, nhóm nghiên cứu đã tiến hành đánh giá việc triển khai các chính sách có liên quan đến quản lý rừng cộng đồng (QLRCĐ) tại tỉnh Lào Cai. Kết quả cho thấy. (1) Tỉnh chưa thực hiện giao đất lâm nghiệp, giao rừng cho cộng đồng dân cư theo Luật bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 (ngoại trừ 19,3ha ở huyện Văn Bàn). (2) Các hình thức QLRCĐ chủ yếu theo truyền thống, cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng, và quản lý bảo vệ rừng theo nhóm hộ. (3) Quy ước quản lý bảo vệ rừng cộng đồng (RCĐ) đã được xây dựng cho tất cả các thôn bản có rừng trong tỉnh. Các quy ước này ít kế thừa các luật tục tốt của cộng đồng. (4) Nguồn ngân sách hỗ trợ cho QLRCĐ trên địa bàn tỉnh chưa được phân bổ từ nguồn ngân sách địa phương. (5) Chia sẻ lợi ích từ QLRCĐ chưa công bằng. (6) Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực QLRCĐ được lồng ghép vào các chương trình đào tạo phát triển nông lâm nghiệp. (7) Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng chưa được thành lập. Tuy nhiên, hầu hết các bản vùng cao, đồng bào dân tộc thiểu số hàng năm đều đóng góp tiền hoặc hiện vật cho quỹ bản phục vụ lễ “ăn thề” bảo vệ rừng. (8) Giám sát, đánh giá QLRCĐ thông qua hệ thống quản lý lâm nghiệp trên địa bàn là Kiểm Lâm, UBND xã và Ban quản lý rừng phòng hộ (BQLRPH). Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, đề xuất các khuyến nghị thúc đẩy QLRCĐ bền vững tại tỉnh Lào Cai.

Từ khoá: Quản lý rừng cộng đồng, Rừng cộng đồng, Lào Cai.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Lào Cai là một tỉnh biên giới phía Bắc. Diện tích đất tự nhiên 638.389,6ha, trong đó diện tích quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp là 418.056,7ha chiếm 65,69% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích có rừng 314.870,9ha (rừng tự nhiên 253.812,5ha, rừng trồng 61.558,4ha), diện tích chưa có rừng 103.185,8ha. Tỷ lệ che phủ của rừng đạt 48,53% (UBND tỉnh Lào Cai, 2009). Tổng dân số 60 vạn người (2007), dân số thành thị chiếm khoảng 20%, mật độ bình quân 88 người/km². Có 25 dân tộc anh em cùng chung sống trên địa bàn toàn tỉnh, gồm dân tộc Kinh, H'Mông, Tày, Dao, Thái, Nùng, Giáy, Phù Lá, Mường, Hà Nhì, La Chí...vv.

Quản lý rừng cộng đồng (QLRCĐ) hiện nay đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh. Đây là một phương thức quản lý rừng mà ở đó, cộng đồng quản lý và sử dụng những khu rừng thuộc quyền quản lý của mình đã được pháp luật thừa nhận (đã được giao) hoặc theo truyền thống (tự công nhận từ lâu đời). Trong phương thức quản lý này cộng đồng vừa là chủ sở hữu vừa là chủ thể quản lý (Vũ Long, 2004). QLRCĐ chịu ảnh hưởng của 2 yếu tố chính là các yếu tố nội sinh (như đặc điểm của cộng đồng, đặc điểm nguồn tài nguyên, nhận thức của cộng đồng về tài nguyên rừng) và yếu tố ngoại cảnh (như sự gia tăng dân số, công nghệ, thị trường và chính sách của Nhà Nước) (Quang, 2006). Một trong các yếu tố bị phá vỡ sẽ làm mất đi tính bền vững của QLRCĐ. Để giảm bớt các yếu tố tác động đến QLRCĐ cần có các giải pháp đồng bộ về chính sách và nguồn lực cho quản lý và phát triển RCĐ. Nhà Nước đã ban hành nhiều

chính sách liên quan đến QLRCĐ để tạo hành lang pháp lý thúc đẩy QLRCĐ phát triển, góp phần ổn định và nâng cao đời sống của các cộng đồng nghèo sống gần rừng ở vùng sâu, vùng xa.

Đánh giá việc triển khai các chính sách liên quan đến QLRCĐ trên địa bàn tỉnh Lào Cai giúp các nhà quản lý nắm được thực trạng, cơ hội và thách thức khi thực hiện chính sách QLRCĐ, trên cơ sở đó, ban hành những chính sách cụ thể, phù hợp với hoàn cảnh địa phương, tạo động lực cho cộng đồng và người dân tham gia bảo vệ phát triển rừng bền vững.

MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mục tiêu nghiên cứu

Đánh giá thực trạng triển khai các chính sách liên quan đến quản lý rừng cộng đồng tại tỉnh Lào Cai trên cơ sở đó đề xuất các khuyến nghị QLRCĐ bền vững tại địa phương.

Phương pháp nghiên cứu

Thu thập thông tin thứ cấp: Nguồn từ số liệu thống kê, các văn bản pháp quy, các tài liệu, báo cáo từ Trung ương tới địa phương.

Thu thập thông tin sơ cấp: Xây dựng phiếu điều tra và sử dụng công cụ RRA, PRA để thu thập thông tin có sự tham gia của người dân. Cấp tỉnh, phòng văn lãnh đạo sở TN&MT, Sở NN&PTNT (Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm), Trung tâm Tư vấn Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp tỉnh Lào Cai. Mỗi cơ quan tiến hành phỏng vấn 1-2 cán bộ lãnh đạo chủ chốt để thu thập thông tin. Cấp huyện, chọn 2 huyện Sa Pa và Si Ma Cai để tiến hành điều tra. Hai huyện này đại diện cho QLRCĐ của tỉnh. Mỗi huyện tiến hành phỏng vấn các cán bộ lãnh đạo của huyện và các phòng ban như Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách khối kinh tế nông lâm nghiệp, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế, Ban quản lý Rừng phòng hộ, Hạt Kiểm lâm huyện. Cấp xã, mỗi huyện chọn 2 xã điển hình để điều tra. Huyện Sa Pa chọn xã Sa Pa và xã Lao Chải, huyện Si Ma Cai chọn xã Nàn Sín và xã Bản Mế. Trong mỗi xã tiến hành phỏng vấn chủ tịch UBND xã, cán bộ địa chính, cán bộ lâm nghiệp. Sau đó có cuộc họp ngắn với các cán bộ xã để kiểm tra và thống nhất các thông tin về QLRCĐ tại xã. Cấp thôn, mỗi xã chọn 1 thôn điển hình để điều tra. Các thôn được chọn gồm: thôn Lý của xã Lao Chải, thôn Sâu Chua của xã Sa Pa, thôn Cốc Nghé xã Bản Mế, thôn Nàn Sín xã Nàn Sín. Tại mỗi thôn chọn 15 hộ gia đình để phỏng vấn sâu, các hộ gia đình đại diện cho các hộ giàu, trung bình, nghèo. Tổng số phiếu điều tra là 90 phiếu trong đó 60 phiếu phỏng vấn hộ gia đình, 30 phiếu phỏng vấn cán bộ tỉnh, huyện, xã, thôn. Ngoài ra nhóm nghiên cứu còn tiến hành điều tra nhanh tại hai huyện Văn Bàn và Bảo Yên để xác minh các thông tin có liên quan đến QLRCĐ.

Phân tích thông tin: Các thông tin được tổng hợp theo từng chủ đề liên quan và được phân tích theo công cụ SWOT. Trên cơ sở kết quả phân tích đề xuất các khuyến nghị QLRCĐ bền vững tại địa phương.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Giao đất, giao rừng cho cộng đồng

Tỉnh Lào Cai đã thực hiện thí điểm giao đất, giao rừng cho cộng đồng quản lý. Theo báo cáo số 205/KL-QLR ngày 10/12/2007 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh, diện tích rừng và đất rừng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) cho cộng đồng là 219,3ha, trong đó tại huyện Văn Bàn là 19,3ha và Bảo Yên là 200ha. Qua điều tra thực tế cho thấy, diện tích rừng 19,3ha ở huyện Văn Bàn là khu rừng thiêng và đã được cấp giấy CNQSDĐ chung cho cộng đồng, nhưng 200ha rừng tại huyện Bảo Yên được cấp giấy CNQSDĐ cho hộ gia đình và cá nhân chứ không phải cấp chung cho cộng đồng. Các hộ gia đình này sau khi được giao rừng đã tự liên kết lại theo nhóm hộ để quản lý, bảo vệ. Như vậy, tính đến năm 2009, chỉ có 19,3ha rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai được giao chung cho cộng đồng và có giấy CNQSDĐ. Tuy nhiên, trên thực tế diện tích rừng thiêng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất do cộng đồng đang quản lý, sử dụng, nhưng chưa được cấp giấy CNQSDĐ là 4.036,8ha, trong đó rừng phòng hộ và đặc dụng là 1.057ha và rừng sản xuất là 3.198,8ha (Chi cục Kiểm Lâm, 2007).

Các hình thức quản lý rừng cộng đồng

Có ba hình thức QLRCĐ đang tồn tại. Hình thức thứ nhất là *quản lý rừng cộng đồng truyền thống*, rừng và đất rừng do cộng đồng tự công nhận và quản lý từ lâu đời. Đó có thể là các khu rừng thiêng, rừng ma, những khu rừng cung cấp lâm sản truyền thống cho cộng đồng. Tại thôn Phò Cũ, xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai, có 3 ha rừng thiêng (rừng ma) với nhiều cây to được cộng đồng quản lý bảo vệ từ lâu. Theo kể lại, đây là khu rừng chôn thi hài người chết trong thôn. Theo phong tục tập quán của thôn, vào ngày Thìn khoảng cuối tháng 1 đầu tháng 2 âm lịch, người dân trong thôn tổ chức cúng rừng (Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lào Cai, 2007). Trong ngày cúng rừng trưởng thôn sẽ nhắc lại cho người dân về quy ước QLRCĐ. Khu rừng này đến nay chưa được tỉnh Lào Cai chính thức giao cho cộng đồng nhưng cộng đồng vẫn tự công nhận là khu rừng thiêng của thôn họ và quản lý bảo vệ rất tốt. Xã Sa Pa, huyện Sa Pa hiện đang quản lý 1.080,6ha rừng tự nhiên tái sinh, phòng hộ. Theo pháp lý thì diện tích rừng này do Ban quản lý 661 huyện Sa Pa quản lý, nhưng thực tế diện tích rừng này đang được 6 thôn của xã bảo vệ và từ lâu họ tự công nhận là rừng của thôn và quản lý bảo vệ chung. Theo người dân, lý do để quản lý chung mà không chia nhỏ cho từng hộ, vì họ nhận thấy giao cho thôn có bản quy ước chung để bảo vệ, huy động được nhiều nguồn nhân lực tuần tra. Mặt khác, rừng tự nhiên tự tái sinh mà có, không ai phải trồng, nên không thể chia riêng cho bất kỳ hộ nào trong cộng đồng sở hữu riêng và nếu có chia thì không thể chia đều như nhau cho từng hộ bởi địa hình phức tạp, hiểm trở, nếu chia không bằng nhau sẽ gây mâu thuẫn trong cộng đồng. Hiện nay, diện tích rừng này đã hết hạn đầu tư của dự án 661, nên người dân tự bảo vệ mà không được hưởng tiền thù lao từ Nhà Nước. Chỉ có một số người dân hưởng lợi trực tiếp từ rừng nhờ trồng cây thảo quả và thu hái lâm sản ngoài gỗ, củ đun. Người dân tự nguyện bảo vệ vì được sự vận động và tuyên truyền của các cấp chính quyền về lợi ích của bảo vệ rừng. Hình thức thứ hai là *quản lý rừng cộng đồng theo nhóm hộ*, là rừng được giao cho hộ gia đình và cá nhân, họ tự liên kết lại với nhau thành các nhóm hộ cùng quản lý bảo chung. Tại huyện Bảo Yên, 200 ha rừng và đất lâm nghiệp đã được cấp giấy CNQSDĐ cho hộ gia đình và cá nhân. Các hộ này đã tự liên kết lại với nhau để bảo vệ chung, chứ không bảo vệ riêng rẽ theo từng hộ gia đình, mặc dù các hộ vẫn xác định được ranh giới khu rừng của gia đình mình trong giấy CNQSDĐ. Hình thức thứ ba là *quản lý rừng cộng đồng được giao* là rừng và đất rừng được chính quyền địa phương giao cho cộng đồng quản lý, sử dụng ổn định lâu dài. Tại huyện Văn Bàn, 19,3 ha rừng thiêng đã được giao cho cộng đồng quản lý, bảo vệ.

Xây dựng quy ước quản lý, bảo vệ rừng cộng đồng

Toàn tỉnh nói chung và các bản trong 4 xã điều tra thuộc huyện Sa Pa và Si Ma Cai đều đã xây dựng quy ước quản lý, bảo vệ RCD. Quy ước đầu tiên được xây dựng theo thông tư số 56/1999/BNV - KL ngày 30/3/1999 của Cục Kiểm lâm. Sau đó, tại một số thôn quy ước được xây dựng lại theo thông tư số 70/2007/TT-BNV ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Bộ NN&PTNT. Nhìn chung, các quy ước xây dựng đã thể hiện khá đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ của cộng đồng. Nhưng vẫn còn quy định chung chung và có thể áp dụng cho bất kỳ cộng đồng nào trong tỉnh, mà không có những nét riêng thể hiện được các luật tục tốt mang tính đặc thù của từng cộng đồng thôn, bản (Quy ước thôn Sa Sét, 2009). Nguyên nhân là một số luật tục của thôn bản chưa phù hợp với các quy định của pháp luật, nên nếu đưa vào trong quy ước thì cơ quan thẩm tra văn bản sẽ không thẩm định, phê duyệt.

Ngân sách, tín dụng đầu tư cho phát triển RCD

Hiện nay, việc thực hiện QLRCĐ tại tỉnh Lào Cai được lồng ghép trong các chương trình quản lý bảo vệ rừng chung của tỉnh. Do vậy, chưa có nguồn ngân sách giành riêng cho QLRCĐ. Địa phương vận dụng giao khoán bảo vệ rừng cho các cộng đồng dân cư đối với rừng phòng hộ theo chương trình 5 triệu héc ta rừng. Đối với ngành kiểm lâm, nguồn ngân sách của Nhà nước cấp được đầu tư chủ yếu phục vụ công tác tuyên truyền quản lý bảo vệ rừng và tập huấn về phòng, chống cháy rừng cho các địa phương trên địa bàn tỉnh. Các nguồn ngân sách khác đầu tư cho phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh như Chương trình 135 giai đoạn II, Dự án Hỗ trợ ngành nông nghiệp của Chính phủ Đan Mạch, Oxfam Anh và các chương trình dự án khác cũng chủ yếu hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp. Đối với diện tích rừng thiêng, rừng ma cộng đồng đang quản lý, người dân tự đóng góp tiền hoặc hiện vật để thực hiện việc quản lý và bảo vệ. Số tiền đóng góp hàng năm được sử dụng vào tổ chức lễ ăn thề hay lễ cúng rừng.

Chia sẻ lợi ích trong quản lý rừng cộng đồng

Tỉnh Lào Cai chưa thực hiện đồng loạt việc giao rừng cho cộng đồng quản lý và bảo vệ, nên việc thực hiện chính sách hưởng lợi từ QLRCĐ chưa được thực hiện. Thực tế cho thấy, tại các khu rừng do cộng đồng quản lý, hay do UBND xã quản lý, người dân có thể xin khai thác với khối lượng nhỏ phục vụ cho nhu cầu gia dụng. Theo kết quả điều tra, hộ gia đình có nhu cầu gỗ để làm nhà sẽ làm đơn khai thác gỗ và thôn sẽ xét duyệt, bình chọn. Danh sách hộ và khối lượng khai thác được trưởng thôn gửi lên UBND xã xem xét và phê duyệt. Sau khi có sự phê duyệt của UBND xã, người dân tự khai thác dưới sự giám sát của tổ bảo vệ rừng và đại diện của thôn, xã. Đối với lâm sản ngoài gỗ, tại thôn Sâu Chua, người dân có thể trồng thảo quả bất kỳ nơi nào trong rừng cộng đồng đang bảo vệ, bản không quy định khu vực trồng cụ thể. Sau khi trồng người dân phải rào lại diện tích trồng thảo quả của mình để ngăn cản trâu bò thả rông vào phá hoại. Sự hưởng lợi từ rừng cộng đồng mang lại cho các hộ gia đình trong cộng đồng là không giống nhau tùy vào khả năng về lao động và tài chính của mỗi hộ tham gia trồng thảo quả dưới tán rừng. Gia đình nghèo, neo đơn không có khả năng gây trồng thảo quả sẽ bị thiệt thòi, những gia đình nhiều lao động và giàu có trồng nhiều thảo quả sẽ được hưởng lợi nhiều hơn từ rừng cộng đồng. Gia đình bác Châu A Dể trưởng thôn Sâu Chua mỗi năm thu hoạch khoảng 1 tấn quả thảo quả, giá bán trung bình 60.000đ/kg, như vậy mỗi năm gia đình thu nhập 60 triệu đồng từ việc trồng thảo quả dưới tán rừng cộng đồng. Trong khi đó nhiều hộ nghèo trong thôn lại không có thu nhập gì từ môi trường rừng cộng đồng mang lại. Việc này dẫn đến sự bất bình đẳng trong sử dụng và hưởng lợi từ QLRCĐ.

Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý rừng cộng đồng

Do tỉnh chưa triển khai giao rừng nhiều cho cộng đồng nên các hoạt động liên quan đến đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực QLRCĐ chưa được thực hiện. Tuy nhiên, trong các chương trình, dự án phát triển sản xuất, các hoạt động liên quan đến nâng cao năng lực cho người dân, cán bộ

liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng vẫn được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách địa phương và các chương trình dự án đang triển khai trên địa bàn tỉnh. Đối với ngành kiểm lâm ở cấp tỉnh đến cấp xã, các hoạt động đào tạo chú trọng vào kỹ thuật sử dụng các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho công việc chuyên môn, nghiệp vụ của ngành. Các vấn đề liên quan đến QLRCĐ như quy hoạch, giao đất lâm nghiệp, đánh giá tài nguyên rừng có sự tham gia, và các kỹ năng về phát triển cộng đồng thì chưa được đào tạo.

Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng

Thành lập quỹ bảo vệ và phát triển RC là việc làm cần thiết. Quỹ giúp thôn tổ chức thực thiện QLRCĐ được tốt hơn. Trên địa bàn điều tra cho thấy, các thôn chưa xây dựng quỹ này. Hàng năm, người dân trong thôn không phải đóng góp khoản gì để chi trả cho tổ bảo vệ rừng. Tuy nhiên, hàng năm mỗi hộ đóng góp từ 15.000đ đến 20.000đ, hoặc bằng hiện vật như rượu, gà...vv để phục vụ lễ hội ăn thề cuối năm. Một số thôn như Sả Sếng của xã Sa Pả, thôn Lý của xã Lao Chải quy định, hộ gia đình nào khi khai thác gỗ làm nhà phải đóng 20.000đ/cây cho quỹ thôn. Một số thôn quy định khi tổ bảo vệ rừng bắt được vi phạm lâm luật sẽ tiến hành xử lý theo quy ước và trích 30% tiền phạt cho tổ bảo vệ rừng, còn 70% đóng góp cho quỹ thôn. Thôn sử dụng một phần số tiền này để bổ sung thêm vào lễ hội ăn thề và mua các đồ dùng để tuyên dương, tặng tổ bảo vệ rừng trong lễ hội ăn thề bảo vệ rừng hàng năm. Đây chưa phải là quỹ bảo vệ và phát triển RCD bởi mọi chi tiêu phần lớn là do trưởng bản quyết định và chỉ được thông qua cuộc họp thôn hàng năm.

Thực hiện giám sát, đánh giá quản lý RCD

Việc giám sát QLRCĐ thông qua hệ thống quản lý lâm nghiệp trên địa bàn đó là Kiểm Lâm, UBND xã và BQLRPH. Diện tích rừng của BQLRPH giao khoán cho nhóm hộ gia đình và cộng đồng bảo vệ thì được kiểm tra, đánh giá chặt chẽ hàng năm theo quy định của ngành. Đối với diện tích rừng do UBND xã quản lý thì xã vẫn giao cho cộng đồng thôn bản quản lý thông qua hình thức ký cam kết bảo vệ theo quy ước bảo vệ rừng đã được phê duyệt, người dân không được nhận thù lao, thì chỉ được đánh giá trong cuộc họp tổng kết hàng năm của xã. Tỉnh Lào Cai hiện nay có gần 83 nghìn ha rừng phòng hộ không có kinh phí khoán bảo vệ. Diện tích này được các cấp chính quyền lồng ghép bảo vệ cùng với diện tích rừng phòng hộ 87.400ha có kinh phí khoán bảo vệ (87.400ha trong đó: vốn ngân sách Trung ương cấp bảo vệ 38.000ha và vốn ngân sách địa phương cấp bảo vệ 49.400ha). Đối với diện tích rừng không có kinh phí khoán bảo vệ rất khó giám sát và đánh giá hàng năm.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết luận

- Tỉnh Lào Cai mới tiến hành thử nghiệm giao 19,3ha rừng tự nhiên tại huyện Văn Bàn cho cộng đồng quản lý.
- Có ba hình thức QLRCĐ đang tồn tại đó là QLRCĐ truyền thống, cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng, quản lý bảo vệ rừng theo nhóm hộ.
- Tỉnh đã hướng dẫn xây dựng quy ước quản lý bảo vệ rừng cho tất cả các cộng đồng có rừng trên địa bàn toàn tỉnh.
- Tỉnh chưa có nguồn ngân sách riêng hỗ trợ cho QLRCĐ.
- Việc chia sẻ lợi ích từ QLRCĐ chủ yếu do cộng đồng tự thương lượng, chưa tạo sự công bằng đối với người nghèo, người neo đơn.
- Tỉnh chưa có chương trình đào tạo nhân lực riêng cho QLRCĐ, mà được lồng ghép vào các chương trình khuyến nông, khuyến lâm của tỉnh.

- Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng chưa được xây dựng ở các thôn bản. Tuy nhiên, hầu hết các thôn bản vùng cao, hàng năm người dân đều đóng góp tiền hoặc hiện vật phục vụ lễ “ăn thề” bảo vệ rừng.
- Việc giám sát, đánh giá QLRCĐ thông qua hệ thống quản lý lâm nghiệp của tỉnh như Kiểm Lâm, UBND xã và BQLRPH.

Khuyến nghị

Về giao đất, giao rừng cho cộng đồng

Tiến hành rà soát các diện tích rừng và đất lâm nghiệp có khả năng giao cho cộng đồng thôn bản quản lý. Trên cơ sở đó, áp dụng thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn bản, để giao cho cộng đồng quản lý. Việc đánh giá tài nguyên rừng trước khi giao cần được thực hiện với sự tham gia của cộng đồng, làm cơ sở tính hưởng lợi cho cộng đồng trong những năm sau.

Về các hình thức quản lý rừng cộng đồng

Khuyến khích nhân rộng cả ba hình thức QLRCĐ hiện đang có tại địa phương, với nguyên tắc tự nguyện, phát huy được sức mạnh, bản sắc văn hóa, kiến thức bản địa của từng cộng đồng, hài hòa hóa lợi ích của cộng đồng và Nhà Nước.

Về ngân sách, tín dụng đầu tư cho phát triển rừng cộng đồng

Đa số các cộng đồng dân cư sống gần rừng đều nghèo hoặc không có khả năng vay vốn để phát triển rừng cộng đồng. Do đó, đối với diện tích đất trống, quy hoạch rừng sản xuất giao cho cộng đồng dân cư, cần tạo điều kiện để cộng đồng có thể vay vốn phục vụ sản xuất lâm nghiệp. Kêu gọi và huy động các nguồn vốn viện trợ của các tổ chức trong và ngoài nước để triển khai việc giao đất, giao rừng cho cộng đồng thôn bản và hỗ trợ cho QLRCĐ.

Về phát triển các quy ước QLRCĐ

Tiếp tục giám sát và đánh giá việc thực hiện các quy ước đã được xây dựng, nhân rộng các mô hình quản lý rừng cộng đồng gắn với tín ngưỡng, văn hóa của cộng đồng nhằm sử dụng và phát huy các điểm tốt của luật tục và kiến thức bản địa trong QLRCĐ.

Về chia sẻ lợi ích trong quản lý rừng cộng đồng

Nên có hướng dẫn và hỗ trợ ưu tiên cho các hộ nghèo, hộ neo đơn được hưởng lợi từ việc khai thác gỗ, củi, cũng như dành diện tích đất dưới tán rừng và đất trống cho các hộ này trồng lâm sản ngoài gỗ với sự hỗ trợ và đồng thuận của cộng đồng thôn bản. Mặt khác, thông qua chương trình khuyến lâm, chính quyền địa phương cần hỗ trợ kỹ thuật, vốn, giống cho các hộ nghèo này trồng các loài cây lâm sản phụ dưới tán rừng tạo thêm thu nhập. Lồng ghép việc chia sẻ lợi ích công bằng từ QLRCĐ trong quy ước QLBVR.

Về đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý rừng cộng đồng

Đào tạo theo hình thức tiểu giáo viên cho cán bộ nông, lâm nghiệp cơ sở và những người nông dân chủ chốt trong cộng đồng về các lĩnh vực liên quan đến QLRCĐ như phương pháp quy hoạch, sử dụng đất, giao đất, giao rừng có sự tham gia của người dân, lập kế hoạch quản lý và bảo vệ rừng cộng đồng, kỹ thuật lâm sinh, kỹ thuật vườn ươm...v.v. Ngoài ra, cần đào tạo các kỹ năng phát triển cộng đồng, kỹ năng giảng dạy nông dân cho cán bộ cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo và chuyển giao kỹ thuật đến người nông dân.

Về thành lập quỹ bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng

Hỗ trợ vốn để thành lập quỹ bảo vệ và phát triển RCD, vận động người dân, các tổ chức và cá nhân đóng góp để xây dựng quỹ. Ban hành hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ. Đối với các diện tích rừng đã giao cho cộng đồng quản lý có chức năng phòng hộ và cung cấp nguồn nước cho các nhà máy thủy điện hay nhà máy nước, kiến nghị cho phép thử nghiệm hình thức thu phí chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với các đơn vị hưởng lợi. Đây là nguồn thu cho quỹ bảo vệ và phát triển RCD.

Về thực hiện giám sát, đánh giá quản lý rừng cộng đồng

Cần xây dựng bộ tiêu chí và quy trình giám sát, đánh giá QLRCĐ phù hợp với địa phương làm cơ sở cho việc giám sát, đánh giá QLRCĐ hàng năm. Định kỳ kiểm kê vốn rừng cộng đồng 5 năm, nhằm xác định cơ chế hưởng lợi và thưởng phạt theo luật định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chi cục Kiểm lâm, 2007. Báo cáo kết quả điều tra hiện trạng lâm nghiệp cộng đồng tỉnh Lào Cai năm 2007. Chi cục Kiểm lâm Lào Cai.

Nguyễn Ngọc Quang, Hoàng Liên Sơn, 2006. Ảnh hưởng của một số nhân tố đến thể chế trong quản lý rừng cộng đồng tại Việt Nam, Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, số 1/2006, Tr.58.

Sa Sét, 2009. Quy ước bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng thôn Sa Sét, xã Sa Pả, huyện Sa Pa, 2009 (kèm theo quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2009 của UBND huyện Sa Pa. UBND huyện Sa Pa.

UBND tỉnh Lào Cai, 2009. Báo cáo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2008 - 2020 tỉnh Lào Cai.

Vũ Long, 2004. Về chính sách giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn bản, Thông tin Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp số 4/2004, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Tr.39.

THE CURRENT IMPLEMENTATION OF COMMUNITY FOREST'S POLICIES AND SOLUTIONS FOR SUSTAINABLE COMMUNITY FOREST MANAGEMENT IN LAO CAI PROVINCE

Ha Van Tiep

Center for Forestry Science and Production Northwest Region, Son La province

Bui Phuoc Chuong

Consultative and Research Center on Natural Resources Management, Hue City

Summary

Evaluation results on implementation of community forest's policies following 8 related aspects of community forest management (CFM) such as natural forest allocation, forms of CFM, regulation of forest protection, budget, sharing benefits, training skills, fund establishment, and monitoring and assessment of CFM in Lao Cai province revealed that firstly the province has not allocated natural forests yet to communities except only 19.3ha of natural forests in Van Ban district. Secondly, three forms of CFM, in fact, are remaining which are traditional CFM such as spirit and holy forests management, protected community forests, and group households forest management. Thirdly, the regulation of natural forest protection was completely established in all communities located nearby natural forests but it was not fully inherited the custom law of communities. Fourthly, there is no budget for CFM from the province and districts. Fifthly, the sharing benefits from CFM are not equal to among peoples in community. Sixthly, the training

skills for CFM were combined with other forest development programs. Next, the funds for CFM are currently not established in all communities. Finally, the monitoring and assessment of implementation CFM are following the official systems of forest managements such as forest protection office, commune's people committee, and board of protection forest management. From this current situation, some solutions for sustainable CFM are recommended.

Key words: Community forest management, community forests, Lao Cai.